TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65/2023/QĐ-PT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

HUỶ QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH SƠ THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội***: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 07/2022/QĐST-HC ngày 21 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã căn cứ khoản 5 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 và Điều 144 Luật tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" giữa:

Người khởi kiện: Ông Vũ Như A, sinh năm 1958; trú tại: phố N, phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: UBND huyện Y, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Quốc lộ 39A, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Tại đơn kháng cáo vào ngày 19/12/2022, ông Vũ Như A đề nghị huỷ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 07/2022/QĐST-HC ngày 21 tháng 9 năm 2022, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Nội dung vụ việc:

- Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của ông Vũ Như A thể hiện:

Đất ao Điếm có nguồn gốc từ cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị P khi chết để lại cho con đẻ là cụ Vũ Văn C. Cụ C kết hôn với cụ Nguyễn Thị N, có con là ông Vũ Văn L. Cụ C và cụ N có tài sản là thửa đất ao Điếm thuộc thửa số 382,

diện tích 809m^2 *(theo bản đồ đo đạc năm 2005 là thửa số 671, tờ bản đồ 17, diện tích 821m^2)*. Ông Vũ Văn L kết hôn với bà Đỗ Thị M, có con là ông Vũ Như A và 04 người con khác (có ủy quyền cho ông A khởi kiện - BL 30). Trước khi cụ C, cụ N qua đời để lại toàn bộ đất ở và đất ao cho ông L. Khi còn sống, các cụ C, N sử dụng ao để nuôi cá, không có tranh chấp với ai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đất (từ 2007 đến nay không nộp do chính sách giảm thuế đất cho nông dân); trong quá trình sử dụng từ năm 1998, ông L, bà M có chuyển nhượng lại một phần ao cho ông Lưu Văn C và có chính quyền địa phương xác nhận việc chuyển nhượng là hợp pháp và đã thu lệ phí chuyển nhượng. Năm 2001, do ông C không trả được tiền chuyển nhượng nên hai bên đề nghị huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó diện tích ao nêu trên đã bị UBND xã chiếm dụng về mặt giấy tờ, còn thực tế diện tích ao đã được gia đình ông A san lấp quản lý, sử dụng và cho các gia đình trồng rau.

Từ năm 1997 đến năm 2007 ông L có nộp thuế hoa màu cho Hội nông dân số 2 (BL 113).

Khi còn sống, ông L, bà M đã liên tục có đơn đề nghị UBND xã N trả lại đất.

Ngày 02/7/2008, ông L, bà M có đơn đề nghị UBND xã N tách đất cho các con nhưng UBND xã cho rằng đất đó là đất của tập thể, không thừa nhận là đất của ông L vì ông L không có tên trong bản đồ 299 (BL112).

Sau khi nhận được Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Y, ông A và bố (ông L) liên tục khiếu nại và khởi kiện nhưng bị trả lại đơn từ các năm 2010 đến năm 2020. Ngày 16/2/2022 UBND xã N có Công văn số 09/CV-UBND với nội dung: *"Thực hiện theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Y. Thửa đất số 671, tờ bản đồ số 17, diện tích 821 m^2. UBND xã N qua kiểm tra sổ sách, hồ sơ địa chính, hiện tại thửa đất nêu trên thuộc UBND xã quản lý theo quy định của pháp luật".*

Ngày 14/01/2022, ông A tiếp tục có đơn đề nghị về việc đăng ký đất đai và quyền sử dụng đất.

Ngày 25/01/2022, ông A có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngày 27/01/2022, ông A có đơn đề nghị sao lục văn bản.

Ngày 06/02/2022, Ủy ban nhân dân xã N ban hành Công văn số 09/CV-UBND trả lời ông Vũ Như A đối với 03 đơn đề nghị nêu trên, không chấp nhận đề nghị của ông A.

Do khiếu nại không được giải quyết nên ông Vũ Như A khởi kiện, yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên huỷ các Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 16/12/2009

của UBND huyện Y; Văn bản báo cáo số 338/BC-TNMT ngày 26/11/2009 do Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường ban hành; yêu cầu UBND xã N trả lại cho gia đình ông thửa đất số 382 diện tích 809m^2 tờ bản đồ số 04 *(theo bản đồ đo đạc năm 2005 là thửa số 671, tờ bản đồ 17, diện tích 821m^2)*, tại thôn Thanh Xá, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Y:

Ngày 04/6/2018, ông Vũ Như A (con đẻ ông L) có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa: thửa số 10, tờ bản đồ 19, diện tích 182m^2; thửa số 658, tờ bản đồ số 17; thửa số 671, tờ bản đồ số 17, diện tích 821m^2 (theo bản đồ đo đạc chỉnh lý năm 2015).

Ngày 01/9/2008, ông L gửi đơn đề nghị UBND huyện Y giải quyết tranh chấp thửa đất 671 giữa UBND xã N và hộ ông L.

Ngày 26/11/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y có Báo cáo số 338/BC-TNMT xác minh đơn đề nghị của ông L đòi được hưởng thừa kế quyền sử dụng ao Điếm do ông cha để lại, kết luận: *"Thửa đất ông Vũ Văn L đề nghị là do UBND xã N quản lý, ông L chỉ là người thuê thầu sử dụng đất và nộp thuế hoa màu hàng năm".*

Ngày 16/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 3604/QĐ-UBND giải quyết đơn đề nghị của ông Vũ Văn L, có nội dung: Xác định ông Vũ Văn L không đủ căn cứ pháp lý để được quyền sử dụng đất tại thửa số 671, tờ bản đồ số 17, diện tích 821m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản (bản đồ đo đạc năm 2005) thuộc địa phận xã N, huyện Y. Yêu cầu hộ ông L không được tự ý san lấp thửa đất ao nêu trên.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã N:

Ngày 26/11/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên ban hành Công văn số 1488/STNMT-TTr trả lời đơn đề nghị của công dân, có nội dung:

+ Theo hồ sơ 299, diện tích đất ao thuộc thửa số 382, loại đất ao, chủ sử dụng ghi trong sổ mục kê là HTX.

+ Theo bản đồ đo năm 1998: thuộc thửa 44, diện tích 715,3m^2; loại đất ao, chủ sử dụng ghi UBND xã.

+ Theo bản đồ đo đạc năm 2005: thuộc thửa 671, diện tích 821m^2, loại đất ao; chủ sử dụng ghi UBND xã.

+ Theo bản đồ đo đạc chỉnh lý năm 2015: thuộc thửa 671, diện tích 821m^2, loại đất hàng năm khác; chủ sử dụng UBND xã.

Ngày 29/7/2008, UBND xã N mời ông L lên để giải quyết đơn của ông. UBND xã N đã giải quyết và lập biên bản nhưng ông L không nhất trí với kết luận của UBND xã và không ký vào biên bản.

Ngày 01/8/2008, ông L có đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân xã N về vụ việc trên nhưng không được giải quyết.

Ngày 22/8/2008, UBND xã N ban hành thông báo buộc ông L phải chấp hành nội dung kết luận ngày 29/7/2008.

Tại Biên bản làm việc ngày 04/11/2008 (BL 94), UBND xã N kết luận: việc gia đình ông L đề nghị giải quyết và chuyển sang tên sử dụng ao Điếm diện tích 2 sào là chưa đủ điều kiện xác nhận và làm thủ tục công nhận quyền sử dụng ao theo nguyện vọng của gia đình.

- Ý kiến của thôn tại Biên bản làm việc ngày 04/11/2008 (BL94):

+ Ông L nhận diện tích ao đó của gia đình không có cơ sở, vô lý, do gia đình không có giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp. Trong quá trình sử dụng, gia đình không nộp nghĩa vụ gì ngoài tiền hoa màu cho thôn. Thôn chỉ thu tiền hoa màu, không thu tiền sử dụng đất. Tiền hoa màu thu từ năm 1996-2005. Từ năm 2006 đến nay (tức ngày 04/11/2008) ao bỏ hoang không thả bèo nữa nên thôn không thu hoa màu.

- Ý kiến của ông Cận - cán bộ địa chính xã (BL 94, 95):

+ Từ khi nhận bàn giao hồ sơ đến nay chỉ thấy trong sổ thời kỳ năm 1976 có ghi tên ông Vũ Văn C bố đẻ ông L có 770m^2 ao chung với ông Dục, Hợp tác xã quản thả cá. (BL 95 tr2)

+ Từ thời kì thành lập bản đồ 299 đến nay, thửa ao đó đều do UBND xã N là chủ sử dụng, quản lý chứ không có tên gia đình ông L.

- Kiểm tra hồ sơ lưu ở xã (BL 94):

+ Sổ lưu năm 1976 thể hiện: thửa ao thuộc thửa 358, chủ ruộng Vũ Văn C, diện tích 770m^2, là ao chung với Dục, HTX quản thả cá.

+ Hồ sơ 299 thể hiện: thửa ao thuộc tờ bản đồ 04, thửa 382, diện tích 809m^2, loại đất A, chủ sử dụng là Hợp tác xã, ghi ao Điếm.

+ Hồ sơ 1998 thể hiện: thửa ao bị tách thành thửa 44, tờ bản đồ 08, diện tích 715,3m^2, chủ sử dụng là UBND, loại đất ao; thửa 34, diện tích 65,7m^2, chủ sử dụng Nguyễn Thị D, loại đất ao và thửa 33, diện tích 91,8m^2; chủ sử dụng: UBND, loại đất vườn.

UBND xã xác nhận diện tích đất bà Dung sử dụng là tự kê khai khi đo đạc chứ không phải là diện tích hợp pháp của gia đình. Đây vẫn thuộc diện tích ao của tập thể.

+ Hồ sơ 2005 thể hiện: thửa ao trên thuộc thửa số 671, tờ bản đồ số 17, diện tích 821m^2; chủ sử dụng UBND xã, loại đất TS.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi nhận được Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2009 ông A và ông L liên tục khiếu nại và khởi kiện nhưng bị trả lại đơn từ các năm 2010 đến năm 2020. Hơn nữa Công văn số 09/CV-UBND ngày 16/02/2022 của UBND xã N (BL 17) có nội dung: *"Thực hiện theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Y. Thửa đất số 671, tờ bản đồ số 17, diện tích 821m^2. UBND xã N qua kiểm tra sổ sách, hồ sơ địa chính, hiện tại thửa đất nêu trên thuộc UBND xã quản lý theo quy định của pháp luật".* Do đó Công văn số 09/CV-UBND ngày 16/2/2022 của UBND xã N cũng là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Trong hồ sơ vụ án có nhiều vấn đề chưa được làm rõ, chưa được thu thập để xem xét yêu cầu của ông A, như: Diện tích Ao (Đất) Điếm hiện nay ai đang trực tiếp quản lý, sử dụng? Chưa có lời khai của ông Dục (hoặc hàng thừa kế của ông Dục) về việc có ao chung với ông C. Chưa có lời khai của những người trong hợp tác xã về vấn đề quản thả cá. Có phải là ao đã hiến, góp hay cho mượn vào hợp tác xã hoặc dưới hình thức nào khác? Có chứng cứ nào chứng minh ông C đã hiến (góp, cho mượn) đất vào hợp tác xã không? Chưa có lời khai của những người chứng kiến việc mua bán ao như ông Vũ Như A trình bày. Ngoài ra, cần làm rõ giấy chứng nhận đo đạc đất từ năm 1928 có phải chủ sử dụng là gia đình cụ C hay không (BL 07). Cần làm rõ tính chính xác của thông tin trong BL 03 có xác nhận của ông Nguyễn Văn M, ông Lưu Văn Chanh là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm HTX NN từ năm 1968 đến 1977, xác nhận ao Điếm chưa công hữu hóa. Ý kiến của những người là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã giai đoạn sau năm 1977.

Tuy nhiên, theo như ông Vũ Như A trình bày, diện tích đất ao Điếm nay đã được san lấp thành đất trồng rau do ông A quản lý, sử dụng và cho các gia đình trồng rau. Như vậy, ông A là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L (những người thừa kế khác đã thống nhất có giấy ủy quyền cho ông A - BL30). Khi ông A đề nghị UBND xã trả lại đất, cấp giấy chứng nhận nhưng không được chấp nhận, ông A có quyền khởi kiện vụ án hành chính nếu thấy quyết định hành chính, hành vi hành chính ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của mình. Quyết định số 3604/QĐ-UBND của UBND huyện Y trả lời ông L và sau này là Công văn 09/CV-UBND ngày 16/02/2022 của UBND xã N trả lời cho ông A có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Như A, nên ông A có quyền khởi kiện đối với quyết định hành chính trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 5 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 144 Luật tố tụng

hành chính đình chỉ giải quyết vụ án hành chính do người khởi kiện không có quyền khởi kiện là không đúng.

Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Như A, hủy Quyết định sơ thẩm số 07/2022/QĐST-HC ngày 21/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên và chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Vũ Như A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nghĩa vụ nộp tiền án phí được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 243 Luật tố tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Như A, huỷ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 07/2022/QĐST-HC ngày 21 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Án phí: ông A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nghĩa vụ nộp tiền án phí được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng **Phan Thị Vân Hương** **Nguyễn Mạnh Tiến**